

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 174/2022/TLST/HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022.

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Lan H - Sinh năm: 1986

Nơi cư trú: Khu phố N, thị trấn R, huyện Đ, tỉnh T.

Bị đơn: Anh Lê Anh T - Sinh năm: 1984

Nơi cư trú: SN 27 T, phường L, thành phố T, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10/01/2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10/01/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Thị Lan H và anh Lê Anh T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Trịnh Thị Lan H và anh Lê Anh T thống nhất vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Huyền A sinh ngày 30/8/2015 và cháu Lê Đức L sinh ngày 14/9/2017.

Ly hôn hai bên thoả thuận về việc nuôi và cấp dưỡng tiền nuôi con chung như sau: Giao cháu Lê Đức L cho chị Trịnh Thị Lan H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao

cháu Lê Huyền A cho anh Lê Anh T trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Hai bên quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm.

- ***Về tài sản và công nợ chung:*** Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Về án phí:*** Hai bên thỏa thuận, chị H chịu 150.000đ án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ, chị được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 150.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2021/0002595 ngày 30/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố T;
- UBND thị trấn R, huyện Đ
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Lan A

